

PHÒNG GD & ĐT HẠ LONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học,
năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	92/92	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	92	1,17
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10831,6m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	8481m ²	2,04
VI	Tổng diện tích các phòng	2223	1,21
1	Diện tích phòng học (m ²)	4048	1,21
2	Diện tích thư viện (m ²)	60	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	45	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	45	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	45	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	20	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	20	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Học sinh	Số bộ bàn ghế /lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	2620	1310
1.1	Khối lớp 1	453	17
1.2	Khối lớp 2	512	17
1.3	Khối lớp 3	530	18
1.4	Khối lớp 4	609	22
1.5	Khối lớp 5	516	20
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

2.1	Khối lớp 1		0
2.2	Khối lớp 2		0
2.3	Khối lớp 3		0
2.4	Khối lớp 4		0
2.5	Khối lớp 5		0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	62	
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	8	
2	Cát xét	16	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác: Đàn piano	01	
6	Đàn CASIO.	0	
7	Đàn YAMAHA	01	
8	Kèn	0	
9	Máy in	07	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không có khu riêng, nghỉ tại lớp học (2640 m ²)	1890	0,719m ²
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	05	20	có	0	0,045
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hạ Long, ngày 15 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Mai Thị Mận